

Nhận diện tri thức truyền thống và vai trò của thương mại hóa công bằng tri thức truyền thống trong tiến trình hội nhập và phát triển

Châu Quốc An

Tóm tắt—Việc thực thi các cam kết quốc tế về sở hữu trí tuệ đang trở thành mối bận tâm của nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, có những tài sản trí tuệ mà các doanh nghiệp bỏ quên trong cộng đồng các dân tộc, chưa được khai thác tốt. Đó là tri thức truyền thống. Tri thức truyền thống là một thuật ngữ tương đối mới và còn nhiều tranh cãi ở Việt Nam. Bài viết này tập trung làm rõ nội hàm của thuật ngữ “tri thức truyền thống”, cũng như phân tích vai trò của việc thương mại hóa công bằng tri thức truyền thống đối với việc bảo tồn văn hóa, phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Từ khóa—Tri thức truyền thống, tri thức bản địa, văn hóa dân gian, văn hóa bản địa, di sản văn hóa, văn hóa phi vật thể, thương mại hóa công bằng, phát triển bền vững.

1 KHÁI NIỆM VỀ TRI THỨC TRUYỀN THỐNG

THUẬT ngữ “tri thức truyền thống” có nguồn gốc từ chữ “Traditional Knowledge” trong tiếng Anh. Ở Việt Nam, hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành chưa có định nghĩa chính thức về tri thức truyền thống, dù rằng mục 23.11 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN có quy định về yêu cầu bổ sung đối với đơn đăng ký sáng chế có liên quan đến tri thức truyền thống. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 chỉ quy định nội hàm của khái niệm “tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian” (điều 23), một khía cạnh hẹp của Tri thức truyền thống (sẽ được chúng tôi phân tích dưới đây). Cách quy định này đã gây ra nhiều cách hiểu khác nhau về tri thức truyền thống. Quan điểm thứ nhất cho rằng, tri thức truyền thống chỉ có thể là giải pháp kỹ thuật, không bao gồm văn học nghệ thuật dân gian. Trong khi đó,

quan điểm khác lại cho rằng, điều 23 chỉ là một quy phạm định nghĩa về một khía cạnh của tri thức truyền thống.

Ở bình diện quốc tế, hiện nay chưa có định nghĩa thống nhất ở cấp quốc tế về tri thức truyền thống (Traditional Knowledge)¹. Khái niệm tri thức truyền thống xuất hiện độc lập trong nhiều bối cảnh khác nhau hướng tới mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị truyền thống, gắn việc khai thác thương mại các tri thức của cộng đồng cư dân bản địa với mục tiêu xóa nghèo và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Lần đầu tiên vào năm 1978, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) chính thức đưa vào nghiên cứu nội hàm của thuật ngữ này nhưng chỉ gói gọn trong giới hạn các biểu hiện văn hóa dân gian (Expressions of Folklore). Đến năm 1982, trong “Quy định mẫu cho quốc gia về bảo hộ tác phẩm dân gian chống lại việc khai thác trái phép và những hành động gây phương hại khác” giữa WIPO và UNESCO, nội hàm của tri thức truyền thống lại tiếp tục dừng lại ở phạm vi các biểu hiện văn hóa dân gian. Theo đó, chúng bao gồm những yếu tố đặc trưng của di sản nghệ thuật, văn hóa truyền thống được phát triển và duy trì bởi một cộng đồng hay cá nhân, phản ánh những mong muốn nghệ thuật truyền thống của cộng đồng. Chúng được thể hiện qua những tác phẩm truyền miệng (truyện dân gian, câu đố dân gian, dân ca, sử thi,...), các tác phẩm thể hiện qua diễn xuất (múa dân gian, nghi lễ dân gian,...), các tác phẩm hữu hình (tác phẩm thủ công mỹ nghệ, hình thức kiến trúc truyền thống,...)². Đến năm 1999, UNESCO lại định nghĩa: tri thức truyền thống và các hình thức văn hóa bản địa cho riêng vùng Thái Bình Dương là bất kỳ tri thức hay hình thức nào được sáng tạo,

Bài nhận ngày 07 tháng 10 năm 2016, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Tác giả Châu Quốc An công tác tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM (email: ancq@uel.edu.vn).

¹ WIPO (2011), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ*, Bản dịch của Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam, trang 57

² WIPO (2011), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ*, Bản dịch của Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam, trang 57.

thu nạp và áp dụng chúng vào trong các hoạt động vật chất và tinh thần của người dân bản địa của Thái Bình Dương. Bản chất là việc sử dụng các tri thức đó được chuyển từ đời này sang đời khác, đảm bảo và duy trì đặc điểm, ứng dụng và quyền của người bản địa³. Cùng thời gian này, để đảm bảo cho việc thống nhất cách dùng thuật ngữ trong hoạt động khảo sát về sở hữu trí tuệ và tri thức truyền thống (1998 -1999), WIPO đã định nghĩa rõ hơn: tri thức truyền thống là các tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học dựa trên nền tảng truyền thống, sự biểu diễn; các sáng chế, khám phá khoa học, kiểu dáng, nhãn hiệu, tên và biểu tượng, các thông tin bí mật, và tất cả các sáng kiến hoặc sản phẩm sáng tạo khác là thành quả của hoạt động trí tuệ dựa trên truyền thống trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật⁴. Như vậy, tri thức truyền thống được nhấn mạnh thêm các tri thức khoa học gắn liền với môi trường tự nhiên giúp con người tồn tại và phát triển. Chẳng hạn như tri thức về y học cổ truyền, tri thức về không gian kiến trúc, kỹ thuật nông nghiệp, địa chất học, sinh thái học, khoáng chất, kỹ thuật đi biển, xác định vị trí và dòng di cư của cá,... Và đương nhiên các tri thức này phải dựa trên các giá trị truyền thống. Nghĩa là, các sản phẩm được sáng tạo, quy trình được áp dụng, các hình thức thể hiện văn hóa dựa trên tri thức được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường thuộc về hoặc gắn liền với một nhóm người cụ thể hoặc vùng lãnh thổ cụ thể nơi nhóm người đó sinh sống, được phát triển thường xuyên để thích nghi với môi trường biến đổi.

Với mục đích tìm kiếm sự thống nhất trong cách tiếp cận và phát triển công cụ pháp lý quốc tế nhằm bảo tồn và phát triển hiệu quả tri thức truyền thống, giải quyết tranh chấp về việc khai thác và chia sẻ lợi ích phát sinh, Ủy ban Liên Chính phủ về Sở hữu trí tuệ và Nguồn gen, Tri thức truyền thống và Văn hóa dân gian (IGC) đã tiến hành tổ chức 31 phiên họp (tính đến ngày 23/9/2016). Sau kết quả của nhiều phiên họp của IGC, đến nay WIPO đưa ra định nghĩa như sau: “Tri thức truyền thống là kiến thức, bí quyết, kỹ năng và thực hành được phát triển, duy trì và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ trong một cộng đồng, thường tạo thành một phần của bản sắc văn hoá, tinh thần của nó”. Nó bao trùm các nội dung

liên quan đến tri thức cũng như biểu hiện văn hóa truyền thống, kể cả các dấu hiệu và biểu tượng phân biệt gắn liền với tri thức đó⁵. Điều đó có nghĩa là, văn hóa dân gian cũng là một yếu tố nằm trong phạm trù của tri thức truyền thống⁶. Đây cũng là cách tiếp cận mang tính bao quát (Sensu Lato) nhất.

Tuy nhiên, WIPO cũng ghi nhận quan điểm theo nghĩa hẹp hơn (Sensu Stricto) của một số thành viên. Theo đó, Tri thức truyền thống chỉ là tri thức thu được từ hoạt động trí tuệ trong bối cảnh truyền thống, và bao gồm các bí quyết, thực hành, kỹ năng, và sự đổi mới⁷. Theo cách định nghĩa này, tri thức truyền thống có thể được tìm thấy trong một loạt các lĩnh vực như: nông nghiệp, khoa học, kỹ thuật, sinh thái học, y học bao gồm cả thuốc và cách thức sử dụng thuốc, cũng như tri thức liên quan về đa dạng sinh học. Những sáng tạo dựa trên tri thức truyền thống này có thể giúp chủ thể nắm giữ, sở hữu chúng được hưởng lợi từ bằng sáng chế, nhãn hiệu, và chỉ dẫn địa lý, hoặc được bảo vệ như một bí mật thương mại hoặc thông tin bí mật. Dù vậy, những tri thức này phải có nguồn gốc cổ xưa và thường thông qua hình thức truyền miệng - không được bảo vệ bởi hệ thống sở hữu trí tuệ thông thường⁸. Điều đó cũng có nghĩa là, theo nghĩa hẹp, tri thức truyền thống không bao gồm văn hóa nghệ thuật dân gian.

Từ bản chất của tri thức truyền thống là tri thức dựa trên các giá trị truyền thống được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, chúng tôi chọn cách tiếp cận theo nghĩa rộng (Sensu Lato). Đó là tri thức dựa trên những nền tảng truyền thống được đúc kết qua nhiều thế hệ, gắn liền với bản sắc văn hóa, tâm linh, phong tục, tập quán, kinh nghiệm trong sản xuất và sinh hoạt của cộng đồng cư dân bản địa. Nó không chỉ dừng lại ở tri thức trong nông nghiệp, kỹ thuật, khoa học, y học, sinh thái, mà còn cả trong văn học, nghệ thuật. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với giá trị được ghi nhận trong “Dự thảo quy định về bảo vệ tri thức truyền thống” của IGC ngày 13/5/2016. Theo đó, IGC công nhận: “bản chất của tri thức truyền thống và

⁵ <http://www.wipo.int/tk/en/tk/>, cập nhật vào lúc 4h30 ngày 27/10/2016.

⁶ WIPO (2013), *Intellectual Property, Traditional Knowledge And Traditional Culture Expressions/Folklore - A Guide Countries In Transaction*, version 1, page 4.

⁷ WIPO (2013), *Intellectual Property, Traditional Knowledge And Traditional Culture Expressions/Folklore - A Guide Countries In Transaction, Version 1*, page 4.

⁸ <http://www.wipo.int/tk/en/tk/>, cập nhật vào lúc 4h30 ngày 27/10/2016.

³ UNESCO (1999), *Protection of traditional knowledge and expression of indigenous culture in Pacific Island*, Final Declaration, Noumea, page 1.

⁴ WIPO (2011), *Protection of traditional knowledge*, Geneva. Bản điện tử tại web: <http://www.wipo.int/tk>

giá trị của nó, bao gồm cả giá trị xã hội, tâm linh, kinh tế, trí tuệ, khoa học, sinh thái, công nghệ, giáo dục và văn hóa; thừa nhận hệ thống tri thức truyền thống này bao gồm cả những đổi mới liên tục và những sáng tạo mang tính đặc trưng, có ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng bản địa và có giá trị khoa học tương đương như hệ thống tri thức khác”⁹.

2 TRI THỨC TRUYỀN THỐNG TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Tri thức truyền thống là những yếu tố quan trọng gắn liền bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng đóng góp to lớn đến phúc lợi, phát triển bền vững và sức sống văn hóa của các cộng đồng cư dân bản địa. Thực tiễn đã chứng minh tri thức truyền thống là nhân tố không thể thiếu trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát triển của cộng đồng cư dân bản địa qua nhiều thế hệ. Theo The Crucible II Group, hơn ¾ dân số thế giới dựa vào y học bản địa và thuốc cổ truyền cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe của họ, hơn ½ đơn thuốc được kê có nguồn gốc từ thực vật hoặc có dược chất gốc được sao chép từ cấu tạo của hoạt chất có trong thực vật; 85% - 90% nhu cầu cơ bản cho cuộc sống hằng ngày (thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhiên liệu, chỗ ở, vận chuyển,...) của những người nghèo trên thế giới được đáp ứng dựa trên các sản phẩm sinh học và 40% nền kinh tế giới dựa vào sản phẩm sinh học và quy trình, mà cụ thể hơn là dựa trên sự đa dạng sinh học và tri thức truyền thống có liên quan đến chúng¹⁰. Ở khía cạnh khác, tri thức truyền thống còn đóng góp cho đời sống tinh thần và gắn kết xã hội của cộng đồng cư dân bản địa. Nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian và luật tục đã góp phần ổn định xã hội trong lịch sử như là những minh chứng cụ thể.

Trong xã hội hiện đại, không dừng ở nét văn hóa và tâm linh, tri thức truyền thống còn mang trong mình tiềm năng kinh tế to lớn. Tri thức truyền thống trong kiến trúc, xây dựng tạo nguồn cảm hứng sáng tạo cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nội thất cao cấp về sản phẩm bền vững và thân thiện với môi trường. Tri thức về hoạt động canh tác, quản lý đất đai, vận

chuyên, đánh bắt cá và các hoạt động sản xuất khác cũng là kho tàng thương mại dành cho nhiều doanh nghiệp khám phá. Đặc biệt, những tri thức về y học cổ truyền và thảo dược là nguồn tài nguyên vô tận cho các tập đoàn dược phẩm khai thác, khi mà xu hướng quay về dược phẩm và mỹ phẩm có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với con người và môi trường với mức chi phí thấp trở thành xu hướng tiêu dùng chủ đạo ngày nay¹¹. Nhiều doanh nghiệp dược phẩm trở nên giàu có hơn nhờ chính những tri thức truyền thống về thuốc của thổ dân. Đơn cử, công ty dược phẩm toàn cầu Lilly đã thu về khoảng 20 tỷ USD/năm cho hoạt chất Vinblastine và Vincristin được chiết xuất từ cây dừa cạn hồng ở Madagascar, dùng trong hóa trị ung thư, điều trị bạch cầu ở trẻ em và bệnh Hodgkin¹². Tương tự cho trường hợp của các công ty Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, Đức, Anh, Áo, Bỉ, Ireland, Pháp, Đan Mạch, Hy Lạp trong việc sản xuất các dược phẩm có nguồn gốc từ cây Neem (*Azadirachta indica*) trong bài thuốc cổ truyền của người Harappa cổ (Ấn Độ) dùng trong điều trị kháng viêm, kháng nấm, kháng virus, chống loét, chống oxy hóa, chữa bệnh ung thư và làm đẹp¹³. Thậm chí không ít hãng dược loại này đã tăng trưởng nhanh chóng mặt, gia nhập vào câu lạc bộ những doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Công ty dược TNC là một ví dụ. Tính đến năm 2000, TNC đã đạt được 47 tỷ USD từ bộ sưu tập đa dạng sinh học nhiệt đới và tri thức truyền thống sử dụng chúng¹⁴.

Trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật dân gian, nhiều thể loại dân ca, điệu múa dân gian, nghi lễ, trang phục truyền thống, tác phẩm hội họa, điêu khắc, nghệ thuật tạo hình, sản phẩm thủ công mỹ

¹¹ Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), **khoảng 80% dân số hiện nay trên thế giới vẫn dựa vào thuốc có nguồn gốc tự nhiên** trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trong tuyên ngôn Alma Alta năm 1978 và “Hướng dẫn đánh giá y học cổ truyền” năm 1991, **WHO luôn khuyến nghị dùng các thuốc cổ truyền vào chăm sóc sức khỏe ban đầu**, đánh giá mức độ an toàn và hiệu quả cũng như bảo đảm nguồn cung cấp những thuốc này. Nguồn: <http://vienduoclieu.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/su-can-thiet-phat-trien-duoc-lieu-354-677.html>

¹² Jiang F. (2008), The Problem With Patents - Traditional Knowledge And International IP Law, *Harvard International Review*, ISSN 0739-1854, page 30.

¹³ Kausik Biswas., Ishita Chattopadhyay., Ranajit K. Banerjee., Uday Bandyopadhyay (2002), Biological Activities and Medicinal Properties of Neem, *Current Science*, Vol. 82, No. 11, ISSN 1336 -1345 ; Ompal Singh., Zakia Khanam., Jamal Ahmad (2011), Neem in Context of Intellectual Property Rights, *Recent Research in Science and Technology*, Vol. 3(6), ISSN 2076 - 5061, page 82.

¹⁴ J. Michael Finger, Philip Schuler (2004), *Poor People's Knowledge: Promoting Intellectual Property in Developing Countries*, The World Bank., page 160.

⁹ IGC (2016), *The Protection Traditional Knowledge: Draft Articles*, WIPO/GRTKF/IC/31/4, page 2.

¹⁰ The Crucible II Group (2000), *Seeding solutions: Policy Options For Genetic Resources - People, Plants And Patents Revisited*, Volume 1, Copublished by International Development Research Centre, International Plant Genetic Resources Institute & Dag Hammarskjöld Foundation, Page 1.

nghệ khác không chỉ dừng lại như là sản phẩm hỗ trợ hoạt động du lịch mà nó còn là nguồn sống, là cơ sở kinh tế quan trọng góp phần định cư và xóa nghèo bền vững cho người dân bản địa, cũng như hạn chế việc di dân vào các đô thị lớn và đảm bảo ổn định chính trị. Đồng thời là kho báu cổ vũ cho các nhạc sỹ, nhà sản xuất tác phẩm điện ảnh, các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm văn hóa, giải trí, thời trang, sản phẩm kiến trúc nội ngoại cảnh. Điển hình là trường hợp của Ritu Kumar, nhà tạo mẫu gốc Ấn độ nổi tiếng thế giới với các sản phẩm có nguồn gốc từ nghệ thuật thêu Zardozi của người Mughal (kỹ thuật thêu với sợi chỉ bằng vàng, sợi chỉ bằng bạc). Sản phẩm của Bà có mặt khắp các cửa hàng cao cấp trên thế giới, ngay cả ở những kinh đô thời trang thế giới như Paris, Luân Đôn. Các cửa hàng của Ritu Kumar không chỉ mọc lên hàng loạt ở Ấn Độ mà còn mọc lên ở Luân Đôn và các quốc gia khác. Tương tự, đối với các sản phẩm khác của người Ấn Độ dựa trên nền tảng tri thức truyền thống trở thành sản phẩm cao cấp được trang trí, bày bán ở những cửa hàng tráng lệ nhất tại New York, như nữ trang chế tác dựa trên nghệ thuật Thewa (nữ trang bằng thủy tinh chạm vàng), đồ kim hoàn dựa trên nghệ thuật Meenakari (tráng men lên vàng). Không chỉ vậy, các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay ở Ấn Độ còn giải quyết việc làm cho hơn 9,6 triệu người, mang lại khoảng 3,3 tỷ USD/năm và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xóa nghèo, ổn định đời sống kinh tế xã hội nông thôn cũng như gìn giữ bản sắc văn hóa. Điều này cũng đúng với nhiều quốc gia, nhất là các quốc gia nghèo và đang phát triển. Có thể thấy, thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại các sản phẩm thủ công truyền thống đã chiếm tỷ trọng khá cao trong GDP ở các quốc gia này, như Peru (50%), Burkina Faso (70%)¹⁵,... Ngoài ra, loại hình lao động kiểu bán thời gian lúc nông nhàn, bên cạnh công việc chính từ đồng án, đã góp phần tô điểm thêm nét văn hóa riêng của họ, thu hút những khám phá cho ngành du lịch.

Cuối cùng, có thể nói, tri thức truyền thống là nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển khoa học và công nghệ hiện đại. Kết quả nghiên cứu của Shiva cho thấy, việc sử dụng tri thức truyền thống đã làm tăng khả năng xác định các loại cây có ứng dụng đặc biệt trong y dược gấp

400 lần¹⁶. Và theo McLeod trong 120 hợp chất dùng trong y học hiện đại được chiết xuất từ thảo dược thì có 75% đã được biết đến trong hệ thống tri thức truyền thống bản địa¹⁷. Trong số các dược phẩm được chế biến từ các loại thảo dược, SRISTI cũng chứng minh được rằng, có 74% thảo dược được sử dụng với mục đích giống với mục đích sử dụng người bản địa phát hiện ra chúng. Còn Grifo và cộng sự (1996) thì phát hiện các hợp chất cơ bản của hầu hết 150 loại thảo dược được y khoa hiện đại sử dụng với hiệu dụng có liên quan đến công dụng theo y học cổ truyền¹⁸. Kết quả khảo sát 1998 -1999 của WIPO cũng cho thấy, khoảng 50% công ty sản xuất dược phẩm có nguồn gốc tự nhiên đã sử dụng tri thức truyền thống của cộng đồng bản địa; 100% công ty thực vật có sử dụng tri thức truyền thống thông qua tài liệu lưu giữ. Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật dân gian cũng không ngoại lệ. Tính nghệ thuật trong sản phẩm thủ công truyền thống đã trở thành đối tượng, tiêu chuẩn của ngành mỹ học Ấn Độ. Các sản phẩm kết dính trong các Tháp Chăm Việt Nam cũng là đối tượng nghiên cứu từ nhiều năm nay của các nhà khoa học Việt Nam và thế giới.

Chính vì tầm quan trọng trên, IGC đã phải thừa nhận: “hệ thống tri thức truyền thống có ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng bản địa và có giá trị khoa học tương đương như hệ thống tri thức khác”¹⁹. Song song đó, IGC đề nghị các quốc gia: “nâng cao nhận thức và sự tôn trọng đối với hệ thống tri thức truyền thống; tôn trọng nhân phẩm, di sản văn hóa, giá trị trí tuệ và tinh thần của tri thức truyền thống của các chủ thể (chủ sở hữu, người nắm giữ tri thức truyền thống) trong việc bảo tồn, phát triển và duy trì các hệ thống này; tôn trọng những đóng góp của chủ sở hữu, người nắm giữ tri thức truyền thống trong việc sử dụng tri thức truyền thống duy trì sinh kế, đặc trưng bản địa, bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, an ninh lương thực và nông nghiệp bền vững, y tế, cũng như là những đóng góp vào tiến trình phát triển của khoa học và công nghệ”²⁰.

¹⁶ Vandana Shiva (1997), *Biopiracy: The Plunder Of Nature and Knowledge*, Cambridge, South End Press., page 74.

¹⁷ K. McLeod (2011), *Owning Culture: Authorship, Ownership and Intellectual Property Law*, Peter Lang, New York, page 168.

¹⁸ F. Grifo., J. Rosenthal (1997), *Biodiversity and Human Health*, Island Press, Washington D.C, Page 135 -136.

¹⁹ IGC (2016), *The Protection Traditional Knowledge: Draft Articles*, page 2. WIPO/GRTKF/IC/31/4.

²⁰ Tài liệu đã dẫn ở footnote 19.

¹⁵ J. Michael Finger, Philip Schuler (2004), *Poor People's Knowledge: Promoting Intellectual Property in Developing Countries*, The World Bank., page 114.

3 THƯƠNG MẠI HÓA CÔNG BẰNG TRI THỨC TRUYỀN THỐNG - NHU CẦU TẤT YẾU CỦA THỰC TIỄN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Như trên đã phân tích, việc thúc đẩy thương mại hóa các tri thức truyền thống là không thể không thực hiện. Tuy nhiên, việc thương mại hóa này cũng chỉ mang lại lợi ích cho cộng đồng bản địa và quốc gia có tri thức truyền thống đó khi có sự chia sẻ công bằng lợi ích kinh tế từ chủ thể thứ ba khai thác nó, đồng thời tồn tại một hệ thống các công cụ kiểm soát hữu hiệu đảm bảo khai thác hợp lý tri thức truyền thống.

Thực tế đã tồn tại rất nhiều trường hợp khai thác thương mại thiếu sự tôn trọng và chia sẻ lợi ích cho cộng đồng bản địa của các chủ thể khác bên ngoài. Trong lĩnh vực thuốc, không ít sản phẩm và quy trình dựa trên những tri thức truyền thống được cấp bằng sáng chế và khai thác thương mại đã bỏ qua những người nắm giữ và không có sự chia sẻ công bằng lợi ích kinh tế. Trường hợp USPTO đã bỏ qua tri thức truyền thống, tín ngưỡng và công dụng y khoa của thức uống nghi lễ của các thổ dân Amazon để cấp văn bằng cho nhà dược học Loren Miller đối với cây Ayahuasca, một phiên bản của cây Banisteriopsis Caapi, một loại nho Nam Mỹ có khả năng tạo ra thuốc gây ảo giác, là một minh chứng cụ thể. Loại cây này đã được cư dân vùng Amazon sử dụng từ rất lâu trong các nghi lễ truyền thống và tín ngưỡng tôn giáo để tạo ra một thứ nước uống chữa bệnh và dùng trong nghi lễ tiếp xúc thần linh dưới sự chỉ bảo của thầy mo. Do vậy, việc cấp văn bằng trên đã phần nào làm xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống và tín ngưỡng tôn giáo cũng như xâm phạm lợi ích của các thổ dân bản địa. Hay trường hợp USPTO năm 1994 cấp bằng sáng chế số 5404718 cho các nhà nghiên cứu thuộc Trường Đại Học Colorado đối với sáng tạo và đặc tính của cây Quinoa, một loại cây thực phẩm truyền thống của các thổ dân Andean. Bằng sáng chế này chỉ bị đình chỉ hiệu lực vì lý do chủ sở hữu không nộp lệ phí duy trì hiệu lực. Tương tự, đối với thuốc trừ sâu, diệt nấm sinh học từ hạt cây Neem, hay dược phẩm có nguồn gốc từ cây Neem trong kho tàng tri thức truyền thống của người Ấn Độ²¹,... Điều

²¹Hoa kỳ đã cấp 54 bằng sáng chế, Nhật Bản cấp 59 bằng sáng chế, Úc cấp 23 bằng sáng chế, Đức cấp 5 bằng sáng chế, Đức cấp 35 bằng sáng chế, Ấn độ cấp 14 bằng sáng chế... cho các sản phẩm có nguồn gốc từ hợp chất trong vỏ cây, lá, trái, hạt cây Neem, Nguồn: <http://www.neemfoundation.org/about-neem/patent-on-neem/>; M. M.S Karki (2001), Neem Based Natural Product Innovations: Analysis of Patents, *Journal Intellectual Property Right*, Vol 6, P 27- 37 ; Kausik Biswas., Ishita Chattopadhyay., Ranajit K. Banerjee., Uday

đáng nói là, trong số đó có những người được cấp văn bằng khai thác thương mại không những không có sự chia sẻ lợi ích kinh tế công bằng cho cộng đồng bản địa, mà còn ảnh hưởng đến lợi ích của họ và của quốc gia họ. Người dân bản địa phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các tập đoàn đa quốc gia ngay trên sân nhà, còn quốc gia nắm giữ tri thức truyền thống phải mua chính những tài sản trí tuệ (tri thức truyền thống) của mình bị người nước ngoài đánh cắp và thậm chí còn bị ngăn chặn hợp pháp ở cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Chẳng hạn việc USPTO năm 1979 cấp bằng sáng chế số 4318212 cho phương pháp làm sạch rễ củ nghệ bằng nước xà phòng âm trong quy trình chiết xuất chất Curcoma, trong khi phương pháp này đã được nhiều gia đình ở Ấn độ thực hiện từ rất xa xưa. Điều này, gây cản trở về mặt pháp lý cho các sản phẩm chứa chất Curcoma được tạo ra từ phương pháp trên của người Ấn Độ trên thị trường Hoa Kỳ. Trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ truyền thống cũng không ngoại lệ. Điển hình là một số nhà thiết kế Châu Âu đến làng nghề thủ công của các cộng đồng người Andean và sử dụng các mẫu thiết kế truyền thống trong bộ sưu tập của mình. Sau đó họ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với mẫu mà họ đã đánh cắp từ cộng đồng người Peru bản địa, làm cho người Peru không bán được sản phẩm do họ sản xuất ra ở một số nước ở Châu Âu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu xóa nghèo bền vững và cải thiện đời sống, phát triển kinh tế cộng đồng bản địa ở Peru.

Trong lĩnh vực âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn, sự khai thác các giá trị văn hóa dân gian thiếu sự chia sẻ lợi ích công bằng còn làm xói mòn động lực sáng tạo và gìn giữ nghệ thuật cổ truyền của các nghệ nhân. Sự khai thác thiếu tôn trọng tập quán, văn hóa, tín ngưỡng của cư dân bản địa không những không công bằng với họ, còn là nguy cơ bất ổn xã hội. Chẳng hạn như những điệu nhảy truyền thống của người Santo Domingo Pueblo được chủ thể khác mang đi khai thác thương mại ngoài cộng đồng bản địa được xem là hành vi báng bổ thần thánh, trái với tập quán của họ, tạo bức xúc cho người dân bản địa. Và đây cũng xem là hành động không công bằng đối họ theo nghĩa đạo đức.

Bandyopadhyay (2002), Biological Activities and Medicinal Properties of Neem, *Current Science*, Vol. 82, No. 11, ISSN 1336 -1345 ; Ompal Singh., Zakia Khanam., Jamal Ahmad (2011), Neem in Context of Intellectual Property Rights, *Recent Research in Science and Technology*, Vol. 3(6), ISSN 2076 - 5061, page 82.

Do vậy, có thể khẳng định rằng, việc khai thác thương mại tri thức truyền thống thiếu công bằng sẽ không đồng nghĩa với gìn giữ và mở rộng không gian văn hóa truyền thống mà còn tồn tại nguy cơ mai một và triệt tiêu đi lợi ích do tri thức truyền thống mang lại, phá vỡ mục tiêu kinh tế - xã hội giành cho đồng bào dân tộc. Ngược lại, nếu xiết chặt quá mức các quy định chống lại việc khai thác loại tài sản trí tuệ này thì sẽ không thể bảo tồn và phát huy được lợi ích của nó, gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia, ảnh hưởng đến sự ổn định trật tự xã hội vốn có của nó. Bởi sản phẩm muốn bán được phải có thị trường. Nhu cầu thị trường luôn thay đổi phù hợp với cuộc sống hiện đại và vượt ra khỏi tầm không gian truyền thống hiện hữu. Trong khi bản thân cộng đồng bản địa khó nắm bắt được nhu cầu thị trường, khó tiếp cận mở rộng thị trường nếu không thông qua các doanh nghiệp có tiềm lực, đặc biệt là các doanh nghiệp toàn cầu có vốn đầu tư nước ngoài với nhiều kỹ năng và công nghệ. Việc Ritu Kumar phát triển các kiểu thời trang cao cấp dựa trên nền tảng Zardozi của người Mughal là một thí vụ thành công sự cải tiến theo nhu cầu của thị trường.

Trái với thành công trên, những người thợ thủ công Ấn Độ đã chậm cải tiến mẫu mã trên nền tảng kỹ năng truyền thống của mình đã đẩy họ vào tình trạng ảm đạm, dù rằng người phụ nữ Ấn độ rất thích mặc áo Sari truyền thống²² trong các dịp trang trọng có tính nghi lễ. Bởi hiện nay, các phụ nữ trẻ và phụ nữ đi làm đã chuyển sang mặc các biến tấu Salwar - Kameez²³ với các màu sắc rực rỡ được dệt bằng máy từ sợi tổng hợp và cả trang phục phương Tây.

4 KẾT LUẬN

Với mục tiêu thúc đẩy bảo tồn và phát triển của Tri thức truyền thống, tạo điều kiện cho việc thương mại hóa chúng bởi người dân bản địa và cộng đồng địa phương để góp phần phát triển kinh tế, cải thiện đời sống và giúp vượt qua đói nghèo, Chính phủ các nước nói chung, Chính phủ Việt Nam nói riêng cần nhận thức đầy đủ và tiến tới xây dựng một cơ chế, công cụ thích hợp để vừa đảm bảo mục tiêu thương mại hóa vừa đảm bảo sự công bằng trong khai thác chúng.

²² Loại áo không có đường may, chỉ quấn quanh người như một sự liên tưởng đến các vị thần thánh theo chiều dài của áo.

²³ Trang phục gồm có quần dài và áo Tunic (loại áo dài ngang đầu gối, thường mặc kèm với thắt lưng).

Identifying traditional knowledge and the equal commercialization of traditional knowledge in the process of integration and development

Chau Quoc An

Abstract—The implementation of international commitments on intellectual properties has become a concern of many Vietnamese enterprises. Nevertheless, there exist intellectual properties of ethnic communities that Vietnamese enterprises forget – the traditional knowledge. This term is a relatively new and controversial in Vietnam. This paper focuses on clarifying the connotation of “traditional knowledge” and analyzing the role of

equal commercialization of traditional knowledge in preserving culture and sustainably developing the society and economy.

Keywords—Traditional knowledge, indigenous knowledge, folk culture, indigenous culture, cultural heritage, intangible culture, equal commercialization, sustainable development.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. F. Grifo., J. Rosenthal (1997), *Biodiversity and Human Health*, Island Press, Washington D.C.
- [2]. <http://vienduoclieu.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/su-can-thiet-phat-trien-duoc-lieu-354-677.html>
- [3]. <http://www.neemfoundation.org/about-neem/patent-on-neem/>
- [4]. <http://www.wipo.int/tk/en/tk/>
- [5]. IGC (2016), *The Protection Traditional Knowledge: Draft Articles*. WIPO/GRTKF/IC/31/4.
- [6]. J. Michael Finger, Philip Schuler (2004), *Poor People's Knowledge: Promoting Intellectual Property in Developing Countries*, The World Bank.
- [7]. Jiang F. (2008), The Problem With Patents - Traditional Knowledge And International IP Law, *Harvard International Review*, ISSN 0739-1854.
- [8]. K. McLeod (2011), *Owning Culture: Authorship, Ownership and Intellectual Property Law*, Peter Lang, New York.
- [9]. Kausik Biswas., Ishita Chattopadhyay., Ranajit K. Banerjee., Uday Bandyopadhyay (2002), Biological Activities and Medicinal Properties of Neem (*Azadirachta indica*), *Current Science*, Vol. 82, No. 11, ISSN 1336 -1345
- [10]. M M S Karki (2001), Neem Based Natural Product Innovations: Analysis of Patents, *Journal Intellectual Property Right*, Vol 6.
- [11]. Ompal Singh., Zakia Khanam., Jamal Ahmad (2011), Neem (*Azadirachta indica*) in Context of Intellectual Property Rights (IPR), *Recent Research in Science and Technology*, Vol. 3(6), ISSN 2076 – 5061
- [12]. Ramsy., Caroline (1999), *Characteristics of World Trade in Crafts*, The Crafts Centre, Washington D.C.
- [13]. UNESCO (1999), *Protection of traditional knowledge and expression of indigenous culture in Pacific Island*, Final Declaration, Noumea.
- [14]. Vandana Shiva (1997), *Biopiracy: The Plunder Of Nature and Knowledge*, Cambridge, South End Press.
- [15]. WIPO (2011), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ*, Bản dịch của Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam
- [16]. WIPO (2011), *Protection of traditional knowledge*, Geneva.
- [17]. WIPO (2013), *Intellectual Property, Traditional Knowledge And Traditional Culture Expressions/Folklore - A Guide Countries In Transaction*, version 1.